

Bản án số: 165/2022/HNGĐ-ST

Ngày 18 – 7 – 2022

Về việc xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Thanh Liêm.

- Ông Huỳnh Hoàng Khởi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Xuân Thùy Dương, là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Mỹ Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 215/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022 về việc “xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 189/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T; sinh năm: 1988 (có mặt);

Nơi cư trú: ấp H, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Lê Vũ L; sinh năm: 1982 (xin vắng mặt);

Nơi cư trú: ấp C, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Lê Văn S, sinh năm 1951 (xin vắng mặt).

+ Bà Võ Thị N, sinh năm 1952 (xin vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: ấp C, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 12/4/2022 và quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Vũ L chung sống vợ chồng và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Thành, thành phố Cà Mau vào ngày 01/12/2006. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi nhau, bất đồng về cuộc sống, anh L không sửa đổi tính tình và đã ly thân từ đầu năm 2021. Nay chị xét thấy cuộc sống không hạnh phúc,

mục đích hôn nhân không đạt được, không còn tình cảm nên chị yêu cầu ly hôn anh L.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Thị Tú Q, sinh ngày 07/7/2007; Lê Minh V, sinh ngày 27/10/2013, hiện cháu Q sống với chị, cháu V sống với anh L. Khi ly hôn, chị yêu cầu được quyền nuôi 2 con, yêu cầu anh L cấp dưỡng 3.500.000 đồng/cháu/tháng (02 cháu 7.000.000 đồng/tháng).

Về tài sản chung: Chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị khai không nợ ai và không ai nợ lại anh, chị.

Ngoài ra, chị yêu cầu ông Lê Văn S trả công lao động từ tháng 12/2006 đến tháng 12/2021 là 15 năm, mỗi tháng 6.000.000đ x 12 tháng x 15 năm = 225.000.000 đồng.

- Tại bản tự khai, biên bản hòa giải anh Lê Vũ L trình bày:

Về hôn nhân: Về thời gian, điều kiện và nơi đăng ký kết hôn đúng như chị T trình bày. Quá trình chung sống không có mâu thuẫn, hiện con còn nhỏ nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Thị Tú Q, sinh ngày 07/7/2007; Lê Minh V, sinh ngày 27/10/2013, hiện cháu Q sống với chị T, cháu V sống với anh. Khi ly hôn, anh yêu cầu mỗi người nuôi một cháu, anh nuôi cháu V, chị T nuôi cháu Q. Không đặt ra việc cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Anh xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Anh khai không nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng.

- Tại biên bản ghi ý kiến ông Lê Văn S, bà Võ Thị N trình bày: Sau khi anh L chị T kết hôn có về sống chung với gia đình ông thời gian khoảng 03 năm, nay ông bà đồng ý hỗ trợ chị T tổng cộng số tiền 30.000.000đ để nuôi cháu nội. Ông, bà không đồng ý trả công lao động với tổng số tiền 225.000.000đ theo yêu cầu của chị T.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã đảm bảo đúng thủ tục tố tụng theo quy định, các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T về việc xin ly hôn anh Lê Vũ L. Về con chung: Giao cháu Lê Thị Tú Q cho chị T, giao cháu Lê Minh V cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Đối với việc chị T yêu cầu ông S trả tiền công lao động thời gian 15 năm với số tiền 225.000.000đ. Tại phiên tòa, chị T xin rút yêu cầu đối với khoản tiền này nên đề nghị đình chỉ giải quyết. Án phí hôn nhân và gia đình nguyên đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Vũ L, ông Lê Văn S, bà Võ Thị N có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Vũ L chung sống vợ chồng và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Thành, thành phố Cà Mau vào ngày 01/12/2006 nên hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận bảo vệ. Theo chị T trình bày trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi nhau, bất đồng về cuộc sống, anh L không sửa đổi tính tình và đã ly thân từ đầu năm 2021. Nay chị xét thấy cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn tình cảm nên chị yêu cầu ly hôn. Đối với anh L xác định vợ chồng không có mâu thuẫn, hiện con còn nhỏ nên anh không đồng ý ly hôn. Xét thấy: Anh L chị T có thời gian dài ly thân, hiện tại không ai quan tâm đến ai, mỗi người có cuộc sống riêng, điều này thể hiện đời sống hôn nhân của anh, chị đã thực sự không còn, mâu thuẫn là có xảy ra, anh L không đồng ý ly hôn nhưng anh không có biện pháp hàn gắn vợ chồng, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị được ly hôn anh L.

[3] Về con chung: Anh chị có 02 người con tên Lê Thị Tú Q, sinh ngày 07/7/2007; Lê Minh V, sinh ngày 27/10/2013, hiện cháu Q sống với chị T, cháu V sống với anh L. Khi ly hôn, anh chị thỏa thuận thống nhất giao cháu Q cho chị T, giao cháu V cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện cháu Q đang sống với chị T, cháu V đang sống với anh L, tránh xáo trộn cuộc sống sinh hoạt và phù hợp với nguyện vọng 02 cháu nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Q cho chị T, giao cháu V cho anh L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T, anh L không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị T, anh L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét;

[6] Về nợ chung: Chị T, anh L khai vợ, chồng không nợ ai và không ai nợ lại vợ, chồng nên không đặt ra giải quyết.

[7] Đối với việc chị T yêu cầu ông Lê Văn S trả công lao động trong thời gian làm dâu từ tháng 12/2006 đến tháng 12/2021 là 15 năm, mỗi tháng 6.000.000đ x 12 tháng x 15 năm = 225.000.000 đồng. Đối với ông S, bà N trước đây có đồng ý hỗ trợ chị T 30.000.000đ để nuôi cháu nội. Tuy nhiên, vào ngày 15/7/2022 ông S, bà N có thay đổi ý kiến, không đồng ý hỗ trợ 30.000.000đ và không đồng ý theo yêu cầu chị T đặt ra. Tại phiên tòa, chị có thay đổi ý kiến, xin rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu ông S trả tiền công lao động với số tiền 225.000.000đ.

Xét thấy, tại phiên tòa chị T xin rút yêu cầu đối với ông S về khoản tiền công lao động, đây là sự tự nguyện phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét và đình chỉ đối với yêu cầu này.

[8] Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 217, 219, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T về việc xin ly hôn anh Lê Vũ L.

- Về con chung: Giao cháu Lê Thị Tú Q, sinh ngày 07/7/2007 cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Lê Minh V, sinh ngày 27/10/2013 cho anh Lê Vũ L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị T, anh Lê Vũ L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

- Đình chỉ yêu cầu của chị Nguyễn Thị T khởi kiện ông Lê Văn S về việc trả tiền công lao động với số tiền 225.000.000đ.

- Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ. Ngày 27 tháng 4 năm 2022, chị T đã dự nộp tiền tạm ứng án phí 5.925.000đ theo biên lai số 0001241 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau nên được đối trừ, chị T được hoàn lại 5.625.000đ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND xã Hòa Thành, Tp. Cà Mau;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Thị Thu